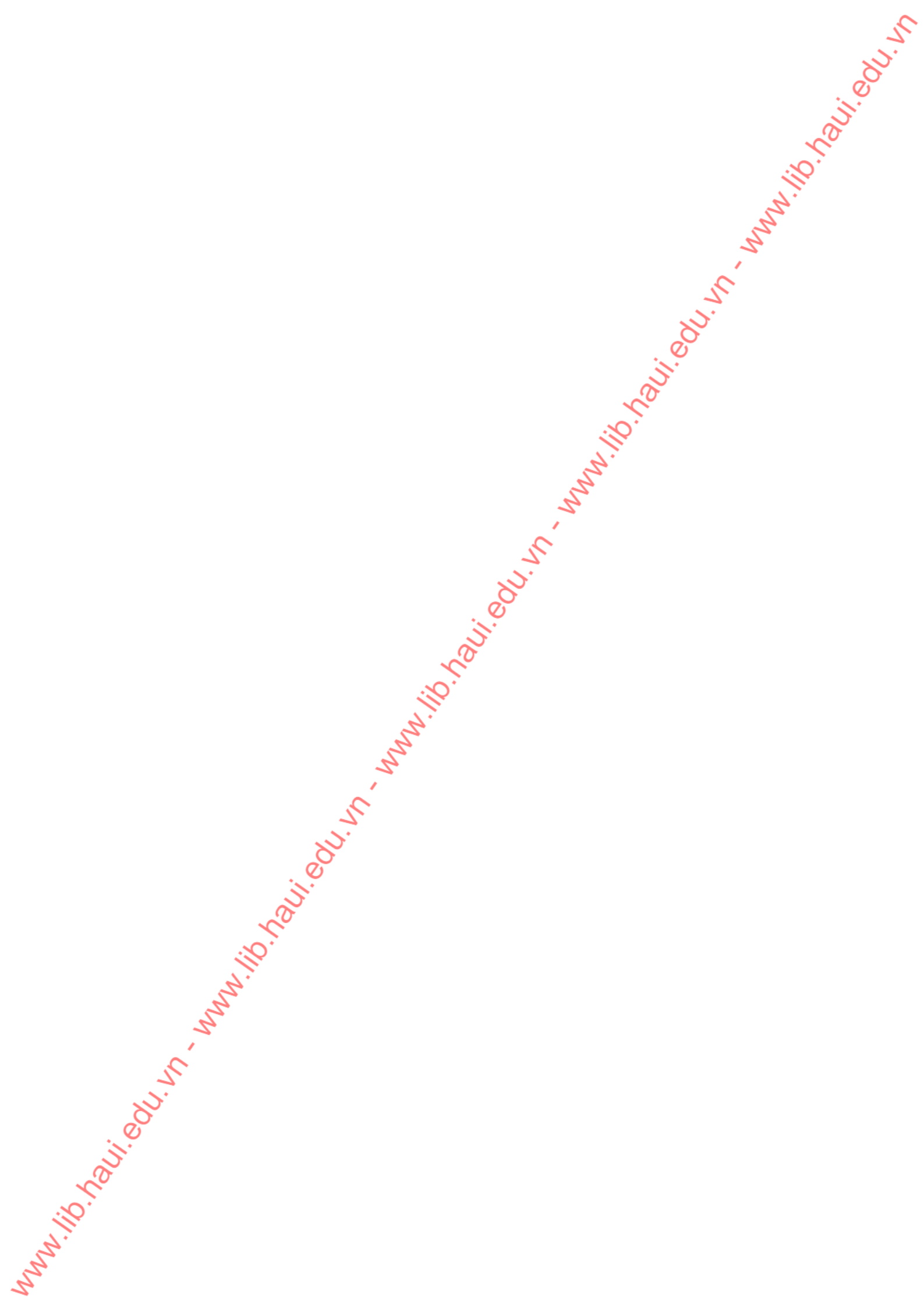
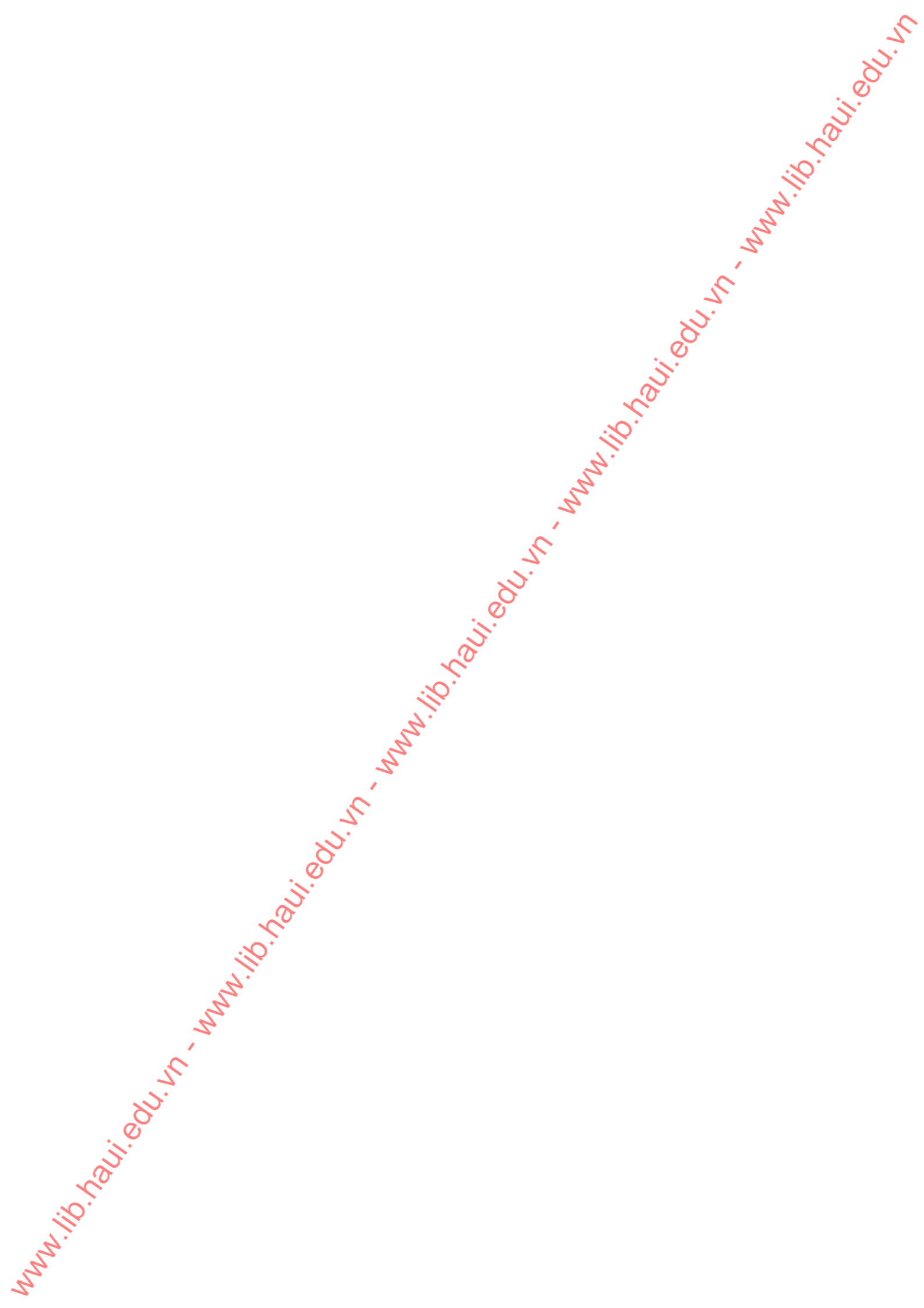


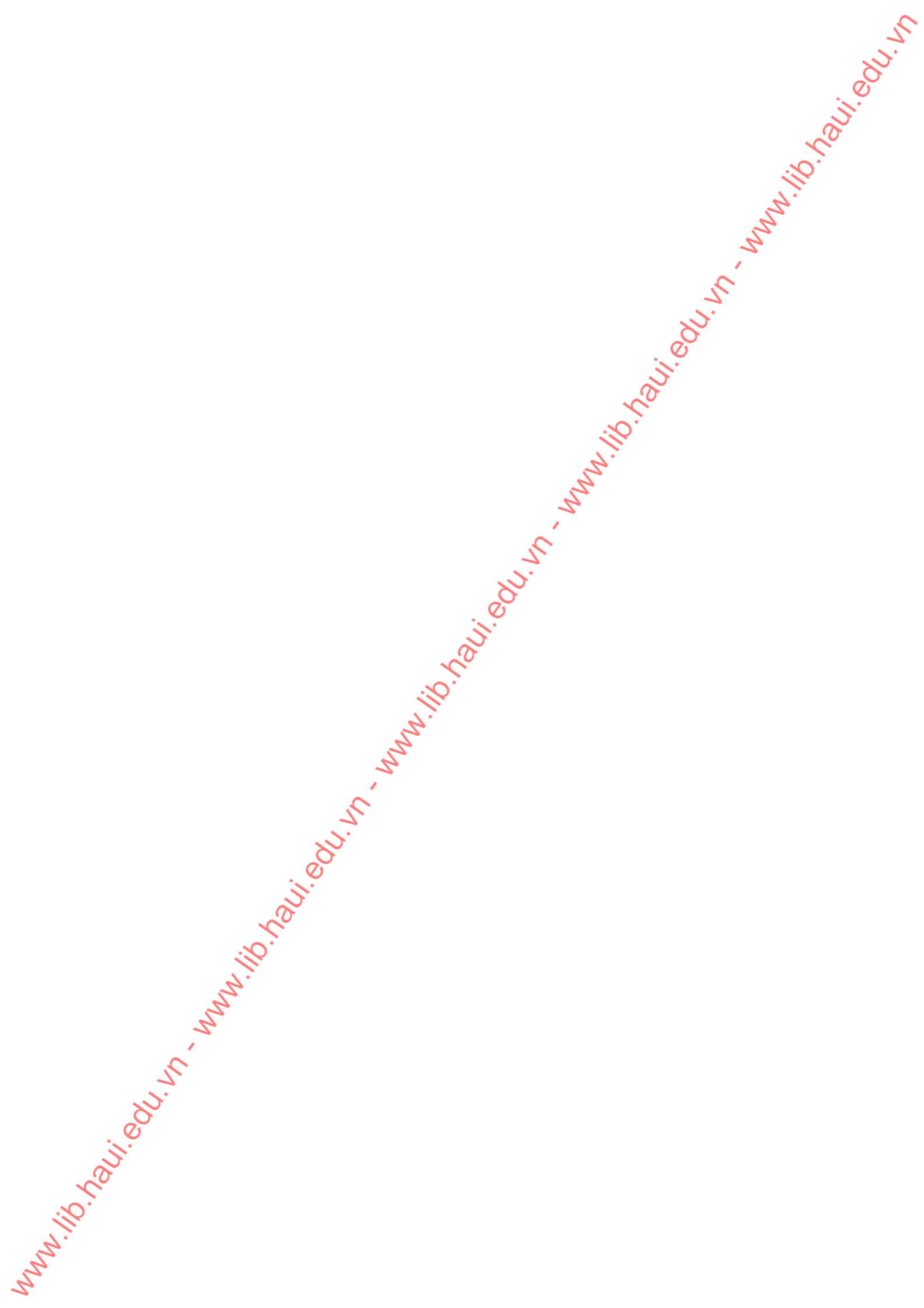
PGS.TS NGUYỄN VĂN CÔNG

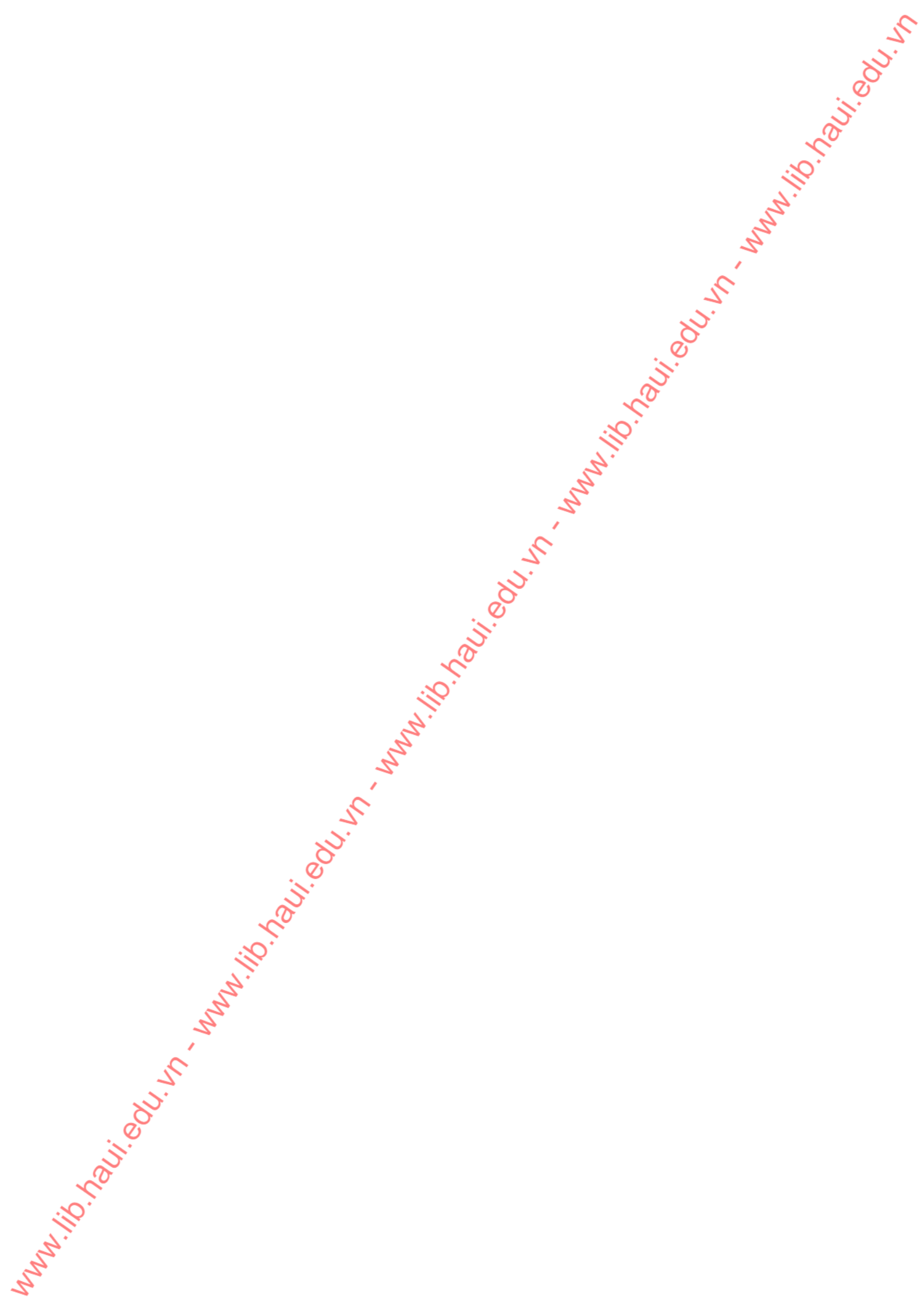
BÀI GIẢNG VÀ THỰC HÀNH LÝ THUYẾT KINH TẾ VĨ MÔ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
2010









Chương 1

TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

TÓM TẮT BÀI GIẢNG

Chương 1 giới thiệu bức tranh tổng quan về kinh tế học vĩ mô. Phần đầu của chương giới thiệu khái niệm kinh tế học vĩ mô. Phần cuối của chương đề cập đến những nội dung then chốt được đề cập trong chương trình kinh tế vĩ mô.

1. Kinh tế vĩ mô là gì?

Cuốn sách này giới thiệu các học thuyết và các vấn đề chính sách thuộc một phân ngành của kinh tế học có tên gọi là **kinh tế vĩ mô**. Kinh tế học là môn học nghiên cứu cách thức xã hội quản lý các nguồn lực khan hiếm. Theo truyền thống, kinh tế học được chia thành *kinh tế vi mô* và *kinh tế vĩ mô*. Kinh tế vi mô là môn học nghiên cứu cách thức các cá nhân ra quyết định và tương tác với nhau trên các thị trường đơn lẻ. Trong kinh tế vĩ mô, chúng ta xem xét hoạt động của tổng thể nền kinh tế. Những biến số then chốt mà chúng ta sẽ nghiên cứu bao gồm tổng sản lượng của nền kinh tế, mức giá chung, việc làm và thất nghiệp, và cán cân thương mại. Kinh tế vĩ mô tìm cách đưa ra lời giải đáp cho các câu hỏi quan trọng như điều gì quyết định các biến số kinh tế trên và tại sao chúng lại thay đổi theo thời gian.

Kinh tế vĩ mô là một bộ phận của kinh tế học có mối quan tâm đặc biệt đối với chính sách. Rất nhiều phân tích của chúng ta sẽ tập trung xem xét xem các chính sách của chính phủ ảnh hưởng đến các biến số kinh tế vĩ mô như thế nào. Các chính sách đó có thể tác động đến sản lượng và việc làm của nền kinh tế đến mức nào? Lạm phát xảy ra do các chính sách không thích hợp của chính phủ đến mức nào? Những chính sách nào sẽ là tối ưu nhằm làm cho các biến số kinh tế vĩ mô vận động như mong muốn. Chính phủ có nên nỗ lực để đạt được cân bằng thương mại hay không?

Đối với các vấn đề chính sách này, chúng ta có thể thấy sự bất đồng lớn giữa các nhà kinh tế. Phần lớn tranh luận về chính sách bắt nguồn từ những quan điểm khác nhau về các nhân tố quyết định các tổng lượng kinh tế đã được đề cập ở trên. Các vấn đề lý thuyết và chính sách có mối quan hệ với nhau. Trong các phân tích, chúng ta nghiên cứu những học thuyết kinh tế vĩ mô khác nhau và các kết luận về chính sách được rút ra từ các học thuyết đó. Khi so sánh các học thuyết khác nhau, chúng ta nhận thấy rằng có cả sự thống nhất cũng như những bất đồng về các vấn đề kinh tế quan trọng. Cách tiếp cận trong cuốn sách này sẽ là bóc tách các vấn đề then chốt mà các nhà kinh tế vĩ mô chưa thống nhất và giải thích cơ sở lý thuyết cho từng quan điểm.

2. Một số vấn đề kinh tế vĩ mô then chốt

Những vấn đề then chốt được kinh tế học vĩ mô quan tâm nghiên cứu bao gồm mức sản xuất, thất nghiệp, mức giá chung và thương mại quốc tế của một nền kinh tế. Phân tích kinh tế vĩ mô hướng vào giải đáp các câu hỏi như: Điều gì quyết định giá trị hiện tại của các biến số này? Điều gì qui định những thay đổi của các biến số này trong ngắn hạn và dài hạn? Thực chất chúng ta khảo sát mỗi biến số này trong những khoảng thời gian khác nhau: hiện tại, ngắn hạn và dài hạn. Mỗi khoảng thời gian đòi hỏi chúng ta phải sử dụng các mô hình thích hợp để tìm ra các nhân tố quyết định các biến kinh tế vĩ mô này.

Một trong những thước đo quan trọng nhất về thành tựu kinh tế vĩ mô của một quốc gia là GDP. GDP đo lường tổng sản lượng và tổng thu nhập của một quốc gia. Phần lớn các nước trên thế giới đều có *tăng trưởng kinh tế* trong dài hạn. Các nhà kinh tế vĩ mô tìm cách giải thích sự tăng trưởng này. Nguồn gốc của tăng trưởng dài hạn là gì? Tại sao một số nước tăng trưởng nhanh hơn các nước khác? Liệu chính sách của chính phủ có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế dài hạn của một nền kinh tế hay không?

Mặc dù tăng trưởng kinh tế là một hiện tượng phổ biến trong dài hạn, nhưng sự tăng trưởng này có thể không ổn định giữa các năm. Trên thực tế, GDP có thể giảm trong một số trường hợp. Những biến động ngắn hạn của GDP được gọi là *chu kỳ kinh doanh*. Nền kinh tế Việt Nam

cũng biến động mạnh trong những năm qua. Đà tăng trưởng của GDP thực tế đã chậm lại trong giai đoạn 1999-2003 và có xu hướng tăng cao trong giai đoạn 2004-2007. Hiểu biết về chu kỳ kinh doanh là một mục tiêu chính của kinh tế vĩ mô. Tại sao các chu kỳ kinh doanh lại xuất hiện? Các lực lượng kinh tế nào gây ra sự suy giảm tạm thời trong mức sản xuất, các lực lượng nào làm cho kinh tế phục hồi? Phải chăng các chu kỳ kinh doanh gây ra bởi các sự kiện không dự kiến được hay chúng bắt nguồn từ các lực lượng nội tại có thể dự kiến trước được? Liệu *chính sách của chính phủ* có thể sử dụng để làm dịu bớt hay triệt tiêu những biến động ngắn hạn trong nền kinh tế hay không? Đây là những vấn đề lớn đã được đưa ra và ít nhất cũng đã được giải đáp một phần bởi kinh tế vĩ mô hiện đại.

Thất nghiệp là biến số then chốt thứ hai mà kinh tế học vĩ mô quan tâm nghiên cứu. Tỷ lệ thất nghiệp đo lường số người không có việc làm và đang tích cực tìm việc tính theo tỷ lệ phần trăm so với lực lượng lao động. Sự biến động ngắn hạn của tỷ lệ thất nghiệp liên quan đến những dao động theo chu kỳ kinh doanh. Những thời kỳ sản lượng giảm thường đi kèm với tăng thất nghiệp và ngược lại.

Biến số then chốt thứ ba mà các nhà kinh tế vĩ mô đề cập đến là *lạm phát*. Lạm phát là hiện tượng phổ biến trên thế giới trong những thập kỷ gần đây. Vấn đề đặt ra là điều gì quy định tỷ lệ lạm phát dài hạn và những biến động ngắn hạn của lạm phát trong một nền kinh tế? Tại sao lạm phát ở Việt Nam giảm mạnh trong thập niên 1990 và có xu hướng tăng tốc trong giai đoạn từ năm 2004 đến nay? Sự thay đổi tỷ lệ lạm phát có liên quan như thế nào đến chu kỳ kinh doanh? Phải chăng là ngân hàng trung ương cần theo đuổi mục tiêu lạm phát bằng không?

Vấn đề quan trọng thứ tư mà kinh tế vĩ mô xem xét là *cán cân thương mại*. Việt Nam thường có thâm hụt thương mại. Tầm quan trọng của cán cân thương mại là gì và điều gì quy định sự biến động của nó trong ngắn hạn và dài hạn? Để hiểu cán cân thương mại vấn đề then chốt cần nhận thức là mất cân bằng thương mại liên quan chặt chẽ với dòng luân chuyển vốn quốc tế. Nhìn chung, khi một nước nhập khẩu nhiều hàng hoá hơn từ thế giới bên ngoài so với xuất khẩu, nước đó cần phải trang

traí cho phần nhập khẩu dôi ra đó bằng cách vay tiền từ thế giới bên ngoài, hoặc giảm lượng tài sản quốc tế hiện đang nắm giữ. Ngược lại, khi có xuất khẩu ròng dương, thì nước đó sẽ tích tụ tài sản của thế giới bên ngoài. Như vậy, nghiên cứu về mất cân bằng thương mại liên quan chặt chẽ với việc nghiên cứu tại sao các công dân một nước lại đi vay hoặc cho các công dân nước khác vay tiền.

Chương 2

SỐ LIỆU CỦA KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

TÓM TẮT BÀI GIẢNG

Trong những chương tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét một số mô hình kinh tế vĩ mô. Những mô hình này là đại diện cho nền kinh tế đã được đơn giản hóa đi để có thể nắm bắt được các nhân tố quan trọng có ảnh hưởng quyết định đối với các biến số vĩ mô như sản lượng, việc làm và mức giá. Trung tâm của các mô hình này là những mối quan hệ mang tính lý thuyết giữa các tổng lượng kinh tế vĩ mô, bao gồm cả các biến chính sách. Để hiểu được các mối quan hệ mang tính lý thuyết này, tốt nhất là chúng ta bắt đầu bằng việc định nghĩa cần trọng các biến số sẽ xuất hiện trong mô hình của chúng ta.

1. Tổng sản phẩm trong nước (Gross Domestic Product - GDP)

Giống như tài khoản của một doanh nghiệp, tài khoản thu nhập quốc dân bao gồm hai phía, phía hiện vật và phía thu nhập. Bên phía hiện vật phản ánh quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Bên phía thu nhập đề cập đến việc phân phối doanh thu nhận được từ bán sản phẩm.

Tổng sản phẩm trong nước chỉ bao gồm các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất hiện tại. Đó là giá trị sản xuất trong một thời kỳ - ví dụ, quý hay năm - và chỉ bao gồm hàng hóa và dịch vụ được tạo ra trong thời gian đó. Các giao dịch thị trường như trao đổi các ngôi nhà, nhà máy đã được xây dựng trong quá khứ hoặc xe ô tô đã được sản xuất từ trước không được tính vào GDP. Việc trao đổi các tài sản, như cổ phiếu và trái phiếu là những ví dụ về các giao dịch thị trường khác không liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất ra các hàng hóa và dịch vụ hiện tại và do đó không được tính vào GDP. Một số khía cạnh của định nghĩa này cần được làm sáng tỏ.